

Vietnam's bravery in relation with China in contemporary times (1950 - 2020)

Hoang Phuong Thuy*

Faculty of Political Theory - Law and State Management, Quy Nhon University, Vietnam

Received: 18/05/2020; Accepted: 22/07/2020

ABSTRACT

In contemporary times, Vietnam is the only country in Southeast Asia and Northeast Asia that accepts a direct and comprehensive relationship with China. Despite the pressures from the Chinese leadership, the Vietnamese government has never given up its stance on autonomous foreign affairs. Depending on the political context of each specific relationship period, the Government of Vietnam always knows how to flexibly apply the external motto "Using stability to cope with changes" to effectively exploit this relationship. In the process of relations with China over the past 70 years (1950 - 2020), the Vietnamese Government has always known how to handle cleverly to protect the integrity of national sovereignty.

Keywords: *Vietnam's bravery, relations with China, autonomy policy, flexible response, effective.*

**Corresponding author.*

Email: hoangphuongthuy@qnu.edu.vn

Bản lĩnh Việt Nam trong mối quan hệ với Trung Quốc thời đương đại

Hoàng Phương Thủy*

Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý Nhà nước, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 18/05/2020; Ngày nhận đăng: 22/07/2020

TÓM TẮT

Trong thời đương đại, chỉ có Việt Nam là nước duy nhất ở Đông Nam Á và Đông Bắc Á chấp nhận mối quan hệ trực diện và toàn diện với Trung Quốc. Bất chấp các áp lực từ chính sách nước lớn của Ban lãnh đạo Trung Quốc, Chính phủ Việt Nam chưa bao giờ từ bỏ lập trường đối ngoại tự chủ của mình. Tùy vào bối cảnh chính trị của mỗi giai đoạn quan hệ cụ thể, Chính phủ Việt Nam luôn biết cách vận dụng linh hoạt phương châm đối ngoại “đi bất biến, ứng vạn biến” để khai thác hiệu quả nhất mối quan hệ này. Trong tiến trình quan hệ với Trung Quốc 70 năm qua (1950 - 2020), dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Chính phủ Việt Nam vẫn luôn biết cách xử lý khôn khéo để bảo vệ sự toàn vẹn chủ quyền quốc gia.

Từ khóa: *Bản lĩnh Việt Nam, quan hệ với Trung Quốc, chính sách tự chủ, ứng phó linh hoạt, hiệu quả.*

1. DẪN NHẬP

Trong thời đương đại, trước đường lối đối ngoại nước lớn của Chính phủ Trung Quốc, đa số các nước Đông Nam Á và Đông Bắc Á hoặc chọn giải pháp chỉ giữ mối quan hệ hạn chế và thực dụng với Trung Quốc, hoặc cực đoan hơn, một số nước như Hàn Quốc và các nước ASEAN5 trong thời Chiến tranh lạnh, chọn giải pháp “thoát Trung, dựa Mỹ”. Riêng Nhà nước cách mạng Việt Nam đã không tìm cách “né tránh” hoặc “thoát Trung” mà đã chọn giải pháp thiết lập mối quan hệ trực diện và toàn diện với Trung Quốc. Tại sao Việt Nam lại chọn giải pháp khác biệt như vậy? Phải chăng đó là “bản lĩnh” của Việt Nam trong quan hệ với các nước lớn (như Trung Quốc) được kế thừa và phát huy từ truyền thống ngoại giao của dân tộc? Nội dung bài viết sẽ làm rõ vấn đề trên.

2. NỘI DUNG

2.1. Sự thiết lập mối quan hệ Việt - Trung thời đương đại và thách thức đối với lập trường của Việt Nam

Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong đó kêu gọi các nước Đồng Minh công nhận nền độc lập chính đáng của Việt Nam. Nhưng, lời kêu gọi đó không được bất cứ nước nào trên thế giới, kể cả Liên Xô, quan tâm; vì trước đó, tại Hội nghị Ianta (tháng 02/1945) và Hội nghị Potsdam (17/7 - 02/8/1945), các cường quốc Liên Xô, Mỹ và Anh đã nhất trí cho phép thực dân Pháp trở lại tái lập quyền cai trị Đông Dương. Do bị cô lập hoàn toàn về ngoại giao và không có trợ giúp nào từ bên ngoài nên Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đưa ra đường lối “toàn dân,

*Tác giả liên hệ chính.

Email: hoangphuongthuy@qnu.edu.vn

toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính” để huy động mọi nguồn nội lực của dân tộc vào công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong bối cảnh đó, sự kiện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập vào ngày 01/10/1949 thực sự là cơ hội, là cứu cánh cho cách mạng Việt Nam.

Về phần mình, bản thân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vừa được thành lập cũng phải đương đầu với nhiều khó khăn. Khi Mao Trạch Đông quyết định đưa Trung Quốc “nhất biên đảo” về Liên Xô, các nước đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, đã hợp lực chống phá, bao vây và đe dọa an ninh toàn diện với Trung Quốc. Việc 4 đế quốc Mỹ, Anh, Pháp và Hà Lan tái chiếm các nước Đông Nam Á được nhìn nhận là sự đe dọa trực tiếp đối với an ninh phía Nam của Trung Quốc. Trong tình thế đó, Chính phủ Trung Quốc cho rằng, cách duy trì an ninh tốt nhất là thiết lập quan hệ và trợ giúp cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sự tương đồng về thể chế chính trị và lợi ích quốc gia của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã đưa hai nước xích lại gần nhau. Ngay sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, Hồ Chí Minh đã chủ động bày tỏ hy vọng hai nước xây dựng quan hệ mật thiết hơn để “phát triển tự do và hạnh phúc của hai dân tộc” và “để bảo vệ dân chủ thế giới và hòa bình lâu dài”.¹ Đầu năm 1950, Hồ Chí Minh trực tiếp sang Trung Quốc yêu cầu Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa công nhận và viện trợ cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kháng chiến chống Pháp. Đáp lại, ngày 18/01/1950, Chính phủ Trung Quốc chính thức công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Đến tháng 4/1951, quan hệ giữa hai nước được nâng lên cấp đại sứ.

Khác với kiểu quan hệ Thiên triều - Phiên thuộc mà các triều đại phong kiến Trung Quốc xưa luôn tìm cách áp đặt lên Việt Nam, giờ đây cả hai nước đều do Đảng Cộng sản cầm quyền nên quan hệ giữa hai nước đã bước sang trang sử mới. Khi chủ động thiết lập quan hệ với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Hồ Chí Minh và

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa muốn hướng đến tạo dựng một mối quan hệ mẫu mực giữa hai nhà nước xã hội chủ nghĩa láng giềng “vừa là đồng chí, vừa là anh em”, một mối quan hệ hai bên cùng có lợi trên cơ sở các nguyên tắc quốc tế xã hội chủ nghĩa: hợp tác, hữu nghị và tương trợ. Lập trường nhất quán của Việt Nam là hết lòng và kiên trì xây đắp sự gắn bó keo sơn giữa hai đảng Cộng sản, hai nhà nước xã hội chủ nghĩa vì nền độc lập, tự do và phát triển âm no cho nhân dân cả hai nước.

Tuy nhiên, kỳ vọng của Việt Nam đã gặp phải thách thức, trở ngại lớn là lập trường vị kỷ nước lớn từ phía Trung Quốc. Mặc dù luôn giương cao ngọn cờ chủ nghĩa xã hội, song Ban lãnh đạo Trung Quốc căn bản vẫn đứng trên lập trường dân tộc nên chưa thể dứt bỏ được các mục tiêu đối ngoại bá quyền có từ thời các triều đại phong kiến xa xưa. Họ không muốn nhìn nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập, bình đẳng và cùng chí hướng. Trong tham vọng toàn cầu, Ban lãnh đạo Trung Quốc coi Việt Nam là đối tượng cần lợi dụng hoặc là quân cờ trong đàm phán, trao đổi với các nước lớn vì lợi ích kỷ của Trung Quốc (thể hiện rõ nhất là Thông cáo chung Trung - Mỹ năm 1972). Trong tham vọng thống trị Đông Nam Á, họ coi Việt Nam là quân cờ domino cần xô đổ đầu tiên hoặc là bàn đạp cần chiếm lấy để xâm lược phần còn lại của khu vực. Còn trong quan hệ song phương, họ luôn toan tính gây ảnh hưởng, tìm cách khống chế và xâm chiếm Việt Nam. Nhưng, thách thức đối với lập trường của Việt Nam không chỉ nằm ở mục tiêu đối ngoại nước lớn của Ban lãnh đạo Trung Quốc mà còn thể hiện trong chính sách đối ngoại vị kỷ nước lớn của nước này. Bộ trưởng Văn hóa Pháp André Malraux, người rất am tường về Trung Quốc, đã tham vấn cho Tổng thống Mỹ Nixon trước chuyến công du Trung Quốc năm 1972, rằng “Trung Quốc chưa hề giúp một ai bao giờ, chính sách đối ngoại của Trung Quốc là một sự nói dối xuất sắc; chính bản thân người Trung Quốc cũng không tin vào chính sách đó; họ chỉ tin vào Trung Quốc và chỉ có Trung Quốc mà thôi”.²

Trong quan hệ với Việt Nam, Ban lãnh đạo Trung Quốc luôn áp dụng chính sách đối ngoại hai mặt. Điều này được thể hiện rõ trong Chi thị của Ban lãnh đạo Trung Quốc vào năm 1973, rằng “Về bề ngoài ta đối xử tốt với họ (Việt Nam) như đối xử với đồng chí mình, nhưng trên tinh thần ta phải chuẩn bị họ trở thành kẻ thù của chúng ta”.³ Trong khi giương cao ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, tuyên bố và thực hiện sự hợp tác, giúp đỡ cách mạng Việt Nam thì Trung Quốc lại cố gắng can thiệp vào một số vấn đề nội trị của Việt Nam. Họ thường cùng một lúc thực thi hai chính sách khác biệt: công khai thì hô hào sự giúp đỡ Việt Nam theo tinh thần “vừa là đồng chí, vừa là anh em”, còn thực chất thì tìm cách áp đặt sự chi phối đến các vấn đề nội trị của Việt Nam, nhằm khống chế, khuất phục hoặc bắt tay kẻ thù đang xâm lược Việt Nam để gây khó khăn cho cách mạng Việt Nam...

Khi không thể khuất phục Việt Nam bằng chính sách hai mặt, Trung Quốc công khai gây chiến tranh phá hoại nhiều mặt, trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược và thi hành chính sách cô lập Việt Nam. Trong các chuyến thăm một số nước Đông Nam Á tháng 12/1978 và thăm Mỹ tháng 01/1979, Đặng Tiểu Bình liên tục tuyên bố “phải dạy cho Việt Nam một bài học”. Còn khi dừng chân ở Tokyo trên đường từ Mỹ trở về Bắc Kinh, Đặng Tiểu Bình tiếp tục khẳng định: “Việt Nam phải bị trừng trị nghiêm khắc”.⁴ Trong ấn phẩm *Việt Nam, người láng giềng phiền toái*, tác giả Trần Gia Xương dẫn lời của Đặng Tiểu Bình nói với Brezinski đầu năm 1979, rằng: “Để trừng phạt Việt Nam thì dù phải hy sinh 5 vạn, 50 vạn hay 1 triệu người Trung Quốc cũng không tiếc”.² Cùng với đó, từ sau năm 1978 đến nay (kể cả khi hai nước bình thường hóa quan hệ từ năm 1991), Ban lãnh đạo Trung Quốc vẫn tiếp tục thi hành chính sách hai mặt: một mặt, cam kết hợp tác hai bên cùng có lợi; mặt khác, vẫn ngang ngược sử dụng mọi thủ đoạn gây hấn, đe dọa chủ quyền biển đảo của Việt Nam trên biển Đông.

Song với bản lĩnh được kết tinh từ lịch sử và lập trường cách mạng kiên định, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã biết cách hóa giải linh

hoạt, vận dụng thuần thực phương châm đối ngoại “dĩ bất biến, ứng vạn biến” để từng bước vượt qua các thách thức to lớn do phía Trung Quốc gây ra.

2.2. Bản lĩnh Việt Nam qua cách ứng xử trước chính sách hai mặt của Trung Quốc giai đoạn 1950 - 1975

Trước chính sách hai mặt của Ban lãnh đạo Trung Quốc trong giai đoạn 1950 - 1975, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã kiên định phương châm đối ngoại “dĩ bất biến, ứng vạn biến” để ứng phó theo hai hướng chính.

Trước hết, Chính phủ Việt Nam luôn đề cao giá trị xã hội chủ nghĩa trong mối quan hệ gắn bó cách mạng giữa hai nước để vừa khẳng định nền độc lập và quyền tự chủ của Việt Nam, vừa tranh thủ được sự ủng hộ toàn diện, thiết thực và hiệu quả nhất từ Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc. Dù sớm biết ý đồ của Ban lãnh đạo Trung Quốc trong mối quan hệ với Việt Nam, nhưng Chính phủ Việt Nam mà đại diện là Hồ Chí Minh biết cách tránh gây căng thẳng không cần thiết, đồng thời ra sức vun đắp cho mối quan hệ song phương phát triển theo hướng có lợi nhất cho cách mạng của cả hai nước. Một mặt, Người luôn đề cao, nhắc nhở sự giúp đỡ của “các đồng chí Trung Quốc” trong thời kỳ xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam và mối quan hệ gắn kết giữa hai Đảng trước khi nắm chính quyền. Trong *Lời chào mừng Chủ tịch Lưu Thiệu Kỳ tại sân bay Gia Lâm tháng 5/1963*, Người khẳng định: Mối tình thân thiết Việt - Hoa/Vừa là đồng chí, vừa là anh em. Mặt khác, Người biết tận dụng mọi cơ hội tiếp xúc cấp cao hai bên để truyền tải đến Ban lãnh đạo Trung Quốc ý chí thực thi quyền bình đẳng, tự chủ và độc lập của người Việt Nam. Năm 1950, Người khẳng định: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào tôn trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới.⁵ Năm 1955, Người lặp lại: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ

thân thiện hợp tác với bất cứ nước nào trên thế giới theo nguyên tắc: tôn trọng sự hoàn chỉnh về chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi và chung sống hòa bình.⁶ Bằng tài ngoại giao khôn khéo này, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã từng bước khiến Ban lãnh đạo Trung Quốc không chỉ hạn chế bộc lộ chính sách vị kỷ nước lớn, mà còn phải công khai ủng hộ về chính trị và viện trợ về vật chất cho Việt Nam kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Theo đó, đầu năm 1950, Chính phủ Trung Quốc công khai lên án chiến tranh Đông Dương của thực dân Pháp và cam kết hợp tác với Liên Xô giúp Việt Nam kháng Pháp. Ngày 22/11/1956, Trung Quốc là nước đầu tiên trên thế giới vạch trần âm mưu gây chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ. Tháng 8/1964, Chính phủ Trung Quốc đã tổ chức cho hơn 20 triệu nhân dân Trung Quốc xuống đường tuần hành phản đối cái gọi là “sự kiện Vịnh Bắc bộ” do Mỹ dựng lên.⁷

Những năm 1950 - 1954, Trung Quốc đã viện trợ cho Việt Nam một lượng khá lớn về vũ khí, phương tiện chiến tranh lẫn đội ngũ cố vấn quân sự. Riêng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Trung Quốc đã cử sang Việt Nam một đoàn cố vấn quân sự chiến trường và viện trợ 1.700 tấn gạo, bằng 6,8% tổng số gạo huy động được trong chiến dịch, 3.600 viên đạn pháo 105 mm, chiếm 18% tổng số đạn pháo trong chiến dịch này.⁸ Trong những năm 1955 - 1975, Đảng và Nhà nước Việt Nam tiếp tục tranh thủ được các nguồn viện trợ cần thiết từ Trung Quốc cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cũng như cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Tính chung, trong kháng chiến chống Mỹ, khối lượng hàng viện trợ của Trung Quốc chiếm trên 50% tổng lượng viện trợ quốc tế cho Việt Nam.⁹ Trung Quốc cũng cử chuyên gia kinh tế, cố vấn quân sự và bộ đội sang hỗ trợ miền Bắc phát triển kinh tế và chống chiến tranh phá hoại của Mỹ.

Thứ hai, trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Chính phủ Việt Nam luôn biết cách cương nhu hợp lý để vừa hạn chế

các sức ép vị kỷ nước lớn từ phía Trung Quốc, vừa giữ được quyền tự chủ trong thực hiện đường hướng chính trị của dân tộc. Cách ứng xử đầy bản lĩnh này được nhà thơ Tố Hữu ẩn dụ thông qua hình ảnh cô gái Lai Vu vẫn “diệt Mỹ” cho dù đang bị “rắn quấn bên chân”. Chúng ta có thể nhượng bộ Trung Quốc trong vấn đề xác định quốc tịch cho người Hoa ở miền Bắc có thời hạn nhưng quyết không đồng ý cho phép người Hoa sống trên lãnh thổ Việt Nam mà vẫn “là người Trung Quốc”. Việt Nam nhân nhượng không đối đầu với Trung Quốc để không làm phức tạp thêm quan hệ Xô - Trung và để tranh thủ sự ủng hộ về vật chất của Trung Quốc cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhưng quyết không chấp nhận “Thuyết ba thế giới” do Mao Trạch Đông đề xuất năm 1974. Việt Nam chưa thể công khai lên án Tuyên bố chung Trung - Mỹ năm 1972, chưa thể vạch mặt mưu đồ chống Việt Nam trong Chỉ thị của Ban lãnh đạo Trung Quốc năm 1973, nhưng quyết không theo lời khuyên của Trung Quốc cần “tiến hành chiến tranh có giới hạn” ở miền Nam.

Thông qua cách ứng xử đầy bản lĩnh và khôn khéo trên, Chính phủ Việt Nam vừa tranh thủ được sự giúp đỡ công khai của Trung Quốc để thúc đẩy kháng chiến đến thắng lợi, vừa ngăn chặn, triệt tiêu được mọi dã tâm xâm phạm chủ quyền quốc gia Việt Nam của Ban lãnh đạo Trung Quốc.

2.3. Bản lĩnh Việt Nam qua cách ứng phó trước chính sách gây chiến tranh phá hoại nhiều mặt, xâm lược và quấy nhiễu của Trung Quốc giai đoạn 1975 - 1991

Sau thất bại trong chính sách ngăn cản Việt Nam thống nhất đất nước vào mùa Xuân 1975, Ban lãnh đạo Trung Quốc đã thực thi cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt hòng gây sức ép đưa Việt Nam vào “chiếc ô bảo hộ” của Trung Quốc. *Thứ nhất*, Trung Quốc hậu thuẫn và giật dây cho chế độ Polpot ở Campuchia gây hấn và tiến hành chiến tranh trên biên giới Tây Nam Việt Nam. *Thứ hai*, Trung Quốc cố tình tạo nên làn sóng người Hoa rời Việt Nam, rồi hô hào cái gọi là “Việt Nam bài xích, xua đuổi người Hoa” hòng gây rối loạn trật tự xã hội nước ta. *Thứ ba*,

Trung Quốc ra điều kiện về viện trợ để ép Việt Nam phải từ bỏ quan hệ với Liên Xô và dựa hẳn (theo cách lệ thuộc) vào Trung Quốc.

Nhưng, bằng vào kinh nghiệm lịch sử ngàn năm và đứng vững trên lập trường của một quốc gia độc lập, Việt Nam tự tin và có đủ bản lĩnh để vượt qua sức ép nhiều mặt từ “người bạn lớn” này, quyết tâm giữ vững quyền tự chủ và bảo vệ toàn vẹn nền độc lập dân tộc. Chính phủ Việt Nam đã thể hiện chính sách đối ngoại tự chủ và khôn khéo khi vừa tránh đối đầu trực tiếp với Trung Quốc, vừa kiên quyết loại trừ các sức ép do họ gây ra. Việt Nam không công khai lên án Trung Quốc hậu thuẫn và giết dây Polpot gây ra cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam, nhưng đã dùng sức mạnh tổng lực đập tan chế độ diệt chủng, cứu dân tộc Kh’mer anh em. Chúng ta tương kế, tựu kế vừa giải quyết vấn đề quốc tịch của người Hoa, vừa loại trừ vĩnh viễn “vấn đề người Hoa” mà Trung Quốc bày trò và hô hào suốt trong năm 1978 khi không ngăn cản, thậm chí tạo điều kiện cho những người Hoa tư sản không chịu nhập quốc tịch Việt Nam rời khỏi Việt Nam. Trước sức ép và sự đe dọa gây chiến tranh xâm lược của Trung Quốc, Việt Nam đã sẵn sàng đương đầu và khẳng định bản chất xã hội chủ nghĩa của mình khi quyết định ký Hiệp ước hợp tác hữu nghị, toàn diện với Liên Xô và tham gia Khối SEV vào cuối năm 1978.

Thất bại trong cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống Việt Nam, Ban lãnh đạo Trung Quốc quyết định trực tiếp gây chiến tranh xâm lược, đưa mối quan hệ giữa hai nước xã hội chủ nghĩa vào trạng thái không bình thường. Rạng sáng ngày 17/02/1979, Trung Quốc đã sử dụng hàng vạn quân, hàng ngàn pháo cối và hàng trăm xe tăng đồng loạt tấn công xâm lược Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc. Nhưng, với sức mạnh đó không làm Việt Nam hoảng sợ. Trái lại, điều đó chỉ tạo thêm cơ hội để Việt Nam thể hiện rõ hơn nữa bản lĩnh của một nhà nước độc lập, cũng như tài trí Việt Nam khi biết “lấy đại nghĩa để thắng hung tàn” và “lấy ít địch nhiều”. Chỉ với các lực lượng quân sự địa phương, gồm: dân quân các xã, bộ đội các huyện, các tỉnh và

hai quân khu dọc tuyến biên giới, Việt Nam đã ngăn được đà tấn công của hàng vạn quân Trung Quốc xâm lược.

Tự thấy không thể thắng bằng quân sự, nên trước khi các quân đoàn chủ lực của Việt Nam tiến về biên giới và đặc biệt khi nghe Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng phát lệnh tổng động viên toàn dân tham gia chiến tranh vệ quốc vào sáng ngày 5/3/1979, trưa hôm đó, Trung Quốc vội tuyên bố đã “hoàn thành mục tiêu chiến tranh”, đã “chiến thắng” và ra lệnh rút quân về nước. Nhưng trên thực tế, Trung Quốc đã thất bại vì họ không thể “dạy cho Việt Nam” bài học nào, mà chính Việt Nam mới là người “đã dạy cho họ” bài học về cái giá của sự ngạo mạn và phản trắc. Trong cuộc phỏng vấn với Oriana Fallaci vào tháng 8/1980, chính Đặng Tiểu Bình cũng phải thừa nhận rằng cuộc hành quân “không thành công lắm”⁴. Sau đó, dù rất muốn “dạy cho Việt Nam một bài học nữa”, nhưng quân Trung Quốc chỉ có thể gây rối dọc toàn tuyến hoặc gây xung đột tại một vị trí chiến lược quan trọng như ở Vị Xuyên (tỉnh Hà Giang) hoặc chuyển chiến tranh xâm lược ra Biển Đông bằng sự kiện vào năm 1988, bắt ngờ đổ quân đánh chiếm một số đảo nhỏ thuộc Quần đảo Trường Sa như: Colin, Len Dao và Gạc Ma... Sau 10 năm gây chiến nhưng không thể khuất phục được Việt Nam, từ năm 1989, Ban lãnh đạo Trung Quốc buộc phải chấp nhận cùng ngồi lại đàm phán song phương để thoát ra khỏi tình trạng chiến tranh, bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Tại Hội nghị Thành Đô (Trung Quốc) diễn ra trong hai ngày 3 và 4/9/1990, hai bên đã ký *Kỷ yếu Hội nghị về việc bình thường hóa quan hệ*, chính thức chấm dứt mọi xung đột vũ trang và sự thù địch giữa hai nước. Đến Hội nghị cấp cao tháng 11/1991, hai bên nhất trí ra *Thông cáo chung*, chính thức bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Dù là phía chính nghĩa và là người chiến thắng, song với truyền thống nhân nghĩa và cũng để giữ thể diện cho nước lớn, tránh những phiền nhiễu cho mối quan hệ song phương trong thời kỳ mới, Việt Nam đã chấp nhận cùng Trung Quốc “khép lại quá khứ, hướng đến tương lai”.

2.4. Bản lĩnh Việt Nam qua cách ứng biến trước chính sách đa dạng hóa các lĩnh vực quan hệ của Trung Quốc giai đoạn 1991 - 2020

Quan hệ song phương Việt - Trung giai đoạn 1991 - 2020 được thiết lập trên các nền tảng mới. Trước hết, đó là *5 nguyên tắc cơ bản* (được hai bên thống nhất vào năm 1991), gồm: *Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; Không xâm phạm lẫn nhau; Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; Bình đẳng cùng có lợi; Cùng tồn tại hòa bình*.¹⁰ Kế đến là *16 chữ vàng* (được hai bên thống nhất vào năm 1999), gồm: *Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai và 4 chữ tốt* (được tuyên bố vào năm 2005), gồm: *Láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt*.¹¹ Các nền tảng mới này cho phép Việt Nam tự chủ, độc lập và bình đẳng hơn trong mỗi quan hệ với Trung Quốc theo cơ chế hợp tác cùng có lợi trên nguyên tắc “có qua có lại” giữa hai nước có nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hai bên cũng nhất trí đa dạng hóa các lĩnh vực quan hệ, theo phương châm hợp tác cùng có lợi.

Dù buộc phải chấp nhận cách tiếp cận mới cho giai đoạn quan hệ mới, song phía Trung Quốc vẫn không từ bỏ phong cách đối ngoại vị kỷ nước lớn trong quan hệ với Việt Nam. Với vị thế nước lớn, bất chấp việc hai nước đã nâng cấp mỗi quan hệ song phương lên thành “quan hệ đối tác chiến lược toàn diện”, Chính phủ Trung Quốc vẫn chủ trương thực hiện mỗi quan hệ với Việt Nam theo phương châm “là đồng chí, cùng hợp tác nhưng không liên minh”, tạo ra trạng thái quan hệ đặc biệt *vừa là đối tác, vừa là đối thủ*. Cùng với việc triển khai và thúc đẩy chính sách hợp tác song phương cùng có lợi trên một số lĩnh vực như trao đổi lý luận, hợp tác thương mại..., Chính phủ Trung Quốc vẫn tiếp tục tuyên truyền, kích động tư tưởng thù địch Việt Nam trong dư luận Trung Quốc và không ngừng gây thêm nhiều sức ép đối với Việt Nam như: xâm phạm chủ quyền lãnh hải Việt Nam, quân sự hóa Biển Đông...

Trước những thách thức đó, Chính phủ Việt Nam đã nhanh chóng xác định phương

châm ứng phó thích hợp là “vừa hợp tác, vừa đấu tranh”. Đồng thời, Việt Nam vẫn tiếp tục phương châm ứng xử “đĩ bất biến, ứng vạn biến” nhưng trên một vị thế khác. Giờ đây, Việt Nam không còn ở vị thế đơn độc như trước đây, mà đã vững vàng tự thân và thông qua các mối liên kết quốc tế (từ khu vực đến toàn cầu) để “cân bằng” quan hệ với Trung Quốc. Trên nền tảng đó, Việt Nam hoàn toàn tự tin công khai đường lối đối ngoại tự chủ của mình trong quan hệ quốc tế với chủ trương “3 không”, gồm: *Không tham gia liên minh quân sự với nước nào; Không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự trên lãnh thổ Việt Nam; và Không về phe nước nào chống lại một nước khác*.¹²

Với vị thế mới, Chính phủ Việt Nam đã chủ động hơn, linh hoạt hơn trong quan hệ với Trung Quốc để cùng lúc đạt được các mục tiêu chiến lược như: duy trì hòa bình khu vực để phát triển kinh tế - xã hội đất nước, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia, quyền tự chủ trong đối ngoại, cải thiện vị thế quốc gia trong các mối quan hệ quốc tế...

Một mặt, Việt Nam thúc đẩy ký kết các hiệp định song phương nhằm tạo lập các hành lang pháp lý và cơ chế cho sự ổn định bền vững trong quan hệ song phương; đồng thời tăng cường phát triển hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai nước. Chỉ trong một thời gian ngắn, hai bên đã ký nhiều hiệp định đặt nền tảng cho sự ổn định về hợp tác chính trị và an ninh biên giới. Việc giải quyết dứt điểm vấn đề biên giới lãnh thổ trên đất liền vào năm 2008 đã tạo điều kiện hòa bình, ổn định để thúc đẩy quan hệ giao thương, hợp tác văn hóa, xã hội... giữa hai nước. Cho đến năm 2011, các yếu tố gây tranh chấp trên biển cũng bắt đầu được giải quyết một phần khi hai bên liên tiếp ký các hiệp định liên quan: *Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ* (năm 2000), *Hiệp định Hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ* (năm 2004) và *Thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển Việt Nam - Trung Quốc* (năm 2011)... Cũng trong giai đoạn này, nhiều thỏa thuận kinh tế - thương mại cũng được ký kết, mở đường cho hoạt động kinh tế thương

mại theo cơ chế thị trường trở nên sôi động hơn. Trung Quốc trở thành một trong số những nhà đầu tư hàng đầu vào Việt Nam, nhất là về số lượng các dự án đầu tư. Kim ngạch thương mại giữa hai nước cũng tăng trưởng nhảy vọt theo cấp số nhân. Năm 2018, kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Trung Quốc đạt 106,7 tỷ USD, tăng hơn 3.300 lần so với năm 1991. Riêng trong 11 tháng đầu năm 2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc đạt 105,75 tỷ USD, tăng 8,71% so với cùng kỳ năm 2018.¹¹ Trung Quốc trở thành đối tác thương mại và là thị trường nhập khẩu và xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam...

Mặt khác, Chính phủ và nhân dân Việt Nam kiên quyết yêu cầu Ban lãnh đạo Trung Quốc phải tôn trọng quyền tự chủ và chủ quyền quốc gia của Việt Nam. Khi cần và trước những vấn đề không liên quan đến chủ quyền và lợi ích quốc gia, Việt Nam vẫn có thể mềm mỏng, nhún nhường. Nhưng, khi Trung Quốc có hành vi đe dọa đến nền độc lập và chủ quyền quốc gia thì chúng ta phải cứng rắn. Năm 2014, khi Trung Quốc đưa giàn khoan HD 981 vào vùng biển đặc quyền kinh tế của Việt Nam, Chính phủ và nhân dân Việt Nam - cả trong và ngoài nước - cùng đồng tâm phản kháng mạnh mẽ. Tại Đối thoại Shangri La tháng 5/2014, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã mạnh mẽ tuyên bố rằng: Việt Nam muốn có lòng tin chiến lược với Trung Quốc, chứ không phải lòng tin mù quáng; Việt Nam luôn mong muốn có hòa bình, hữu nghị nhưng phải trên cơ sở đảm bảo độc lập, tự chủ, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, vùng biển, và nhất định không chấp nhận đánh đổi điều thiêng liêng này để đổi lấy một thứ hòa bình, hữu nghị viển vông, lệ thuộc nào đó.¹³

Với phương châm “vừa hợp tác, vừa đấu tranh” và dựa trên thực lực quốc gia ngày càng được cải thiện, Việt Nam ngày càng tỏ rõ bản lĩnh và sự tự tin trong quan hệ với Trung Quốc. Trên cơ sở kết hợp sức mạnh dân tộc qua chính sách đối ngoại tự chủ với sức mạnh quốc tế thông qua các tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên,

Việt Nam đã và đang từng bước “cân bằng hóa” vị thế với Trung Quốc trong mối quan hệ song phương giữa hai nước.

3. KẾT LUẬN

Trong mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc 70 năm qua, Việt Nam luôn tỏ rõ bản lĩnh chính trị của một quốc gia độc lập và thực thi tài trí ứng xử ngoại giao cương nhu linh hoạt để vượt qua mọi áp lực nước lớn từ phía Trung Quốc. Nhờ đó, trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Việt Nam vừa tranh thủ được sự ủng hộ công khai và viện trợ vật chất của nhà nước Trung Quốc xã hội chủ nghĩa, lại vừa giữ được nền độc lập, chủ quyền và quyền tự chủ trước một Trung Quốc vị kỷ nước lớn. Khi Trung Quốc trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược năm 1979, Việt Nam đã kiên quyết tiến hành cuộc chiến tranh vệ quốc, buộc Ban lãnh đạo Trung Quốc phải chấp nhận ngồi lại đàm phán trong tư cách hai nhà nước xã hội chủ nghĩa láng giềng để bình thường hóa quan hệ. Từ năm 1991 đến nay, với sức mạnh và vị thế mới, Việt Nam ngày càng tự tin hơn trong thực thi mối quan hệ trực diện và toàn diện với Trung Quốc.

Dù biết rõ Ban lãnh đạo Trung Quốc thường thiên về lập trường vị kỷ nước lớn nhiều hơn trong quan hệ song phương, nhưng Chính phủ Việt Nam vẫn bản lĩnh, vững vàng và không né tránh mối quan hệ trực diện với Trung Quốc. Đó là sự khẳng định bản lĩnh Việt Nam, tinh thần Việt Nam trong thế kỷ XX cũng như qua hai thập niên đầu của thế kỷ XXI. Nó đã và đang phát huy có hiệu quả trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh. *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 5 (1947 - 1949)*, Xuất bản lần thứ hai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
2. Hoàng Việt (chủ biên). *Nghiên cứu Trung Quốc hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985.

3. Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua, *ấn hành tháng 10/1979*, <https://nghiencuu.lichsu.com/2013/12/18/su-that-ve-quan-he-viet-nam-trung-quoc-trong-30-nam-qua>, truy cập 25/02/2020
4. Grant Evans, Kelvin Rowley. *Chân lý thuộc về ai*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1986.
5. Hồ Chí Minh. *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 6 (1950 - 1952)*, Xuất bản lần thứ hai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
6. Hồ Chí Minh. *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 8 (1955 - 1957)*, Xuất bản lần thứ hai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000
7. Hoàng Dũng (chủ biên). *Chiến tranh cách mạng Việt Nam - thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
8. Hồ Khang, Trung Quốc. Liên Xô giúp đỡ Việt Nam trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, *Báo Nhân dân điện tử*, đăng ngày 03/5/2014, <https://nhandan.com.vn/chinhtri/trung-quoc-lien-xo-giup-do-viet-nam-trong-chien-dich-dien-bien-phu-201897/>, truy cập ngày 12/02/2020.
9. Nguyễn Phương Hoa. Sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc đối với Việt Nam trong giai đoạn 1955 - 1975, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, 2, 2010, 45-54.
10. “Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc năm 1991”, *Báo Nhân dân*, ngày 11/11/1991.
11. Phạm Bình Minh. 70 năm quan hệ Việt Nam - Trung Quốc: hữu nghị, hợp tác là dòng chảy chính, <http://dangcongsan.vn/thoi-su/70-nam-quan-he-viet-nam-trung-quoc-huu-nghi-hop-tac-la-dong-chay-chinh-547044.html>, truy cập ngày 27/02/2020.
12. Hiểu đúng để góp phần bảo vệ lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, *Báo điện tử Tuyên giáo An Giang*, <http://tuyengiaoangiang.vn/chong-dbhb/8988-hieu-dung-de-gop-phan-bao-ve-loi-ich-toi-cao-cua-quoc-gia-dan-toc.html>, truy cập ngày 27/02/2020.
13. Thủ tướng: “Không đánh đổi chủ quyền lấy hữu nghị viễn vông”, vnExpress, <<https://vnexpress.net/thu-tuong-khong-danh-doi-chu-quyen-lay-huu-nghi-vien-vong-2994075.html>>, truy cập ngày 20/2/2020.